

Số: 283/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 29 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 21 xã trên địa bàn huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện chịu trách nhiệm đăng tải danh sách xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp huyện, các thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Hải Bình**

**DANH SÁCH**  
**XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số: 283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên)

STT	Tên xã	Tổng điểm (sau khi đã làm tròn)	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
1	Thanh Chấn	95	9	28	13,5	20	24	
2	Pa Thơm	94	9	29	10,5	20	25	
3	Thanh Hưng	93	9	29	10,25	20	25	
4	Noong Hẹt	92	9	26,5	12,5	20	24	
5	Thanh Luông	91	9	25	11,5	20	25	
6	Na Ủ	90	9	26,5	13,75	16	25	
7	Sam Mứn	87	9	23,5	11,5	18	25	
8	Núa Ngam	87	9	24,5	10	20	23	
9	Thanh Yên	86	9	24,5	10,25	18	24	
10	Thanh Nưa	85	8	20,5	13,5	18	25	
11	Thanh Xương	84	8	24	11,5	20	20	
12	Mường Lói	83	9	19,5	13,5	16	25	
13	Mường Nhà	83	9	20	10	20	24	
14	Phu Luông	83	9	19,5	13,5	16	25	
15	Pom Lót	83	9	22,5	10	16	25	
16	Na Tông	82	8	19	13,5	16	25	
17	Mường Pôn	82	9	19,5	12,5	16	25	
18	Noong Luống	81	9	20,5	10,25	16	25	
19	Hẹ Muông	81	9	20,5	10	16	25	
20	Thanh An	81	8	20	10,25	18	25	
21	Hua Thanh	80	8	20,5	10,75	16	25	